TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 11 - 2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo

2. Bà Nguyễn Thị Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2023, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thằng Cỏn T, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông H, C - C1, sinh năm 1983; Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); Số hộ chiếu: 311599523.

Địa chỉ: Số A, lộ Mỹ Thôn N, khóm B, phường V, khu N, thành phố Đ, Đài Loan.

Bà Thằng Cỏn T và ông H, C - C1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2023, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà T1 Cỏn Thềnh trình bày:

Bà Thằng Cỏn T và ông H, C - C1 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 03/02/2020 tại Ủy ban nhân dân huyện B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 03/02/2020. Sau khi đăng ký kết hôn, ông H, C – C1 về lại Đài Loan. Thời điểm này dịch C2 – 19 bùng phát khiến ông H, C – C1 không thể về Việt Nam, thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau, về sau thì thưa dần. Đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai và cũng không còn tình cảm với nhau nữa nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H, C - C1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông H, C – C1 trình bày: Về tình trạng hôn nhân giữa ông và bà Thằng Cỏn T tương tự như lời trình bày của bà Thằng Cỏn T. Ông H, C – C1 thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình, quan hệ hôn nhân chỉ tồn tại về mặt pháp luật. Do đó, ông C1 đồng ý yêu cầu ly hôn của bà Thằng Cỏn T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thằng Cỏn T. Tuyên bố bà T ly hôn ông C1; Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ ý kiến trình bày của các đương sự và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Thằng C3 Thềnh khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông H, C – C1 nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Thằng C3 Thềnh đang cư trú tại tỉnh Bình Thuận, khởi kiện ly hôn với bị đơn ông H, C – C1 hiện đang cư trú ở Đài Loan nên căn cứ khoản

3 Điều 35, Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn bà Thằng Cỏn T và bị đơn ông H, C – C1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông H, C – C1.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thằng Cỏn T và ông H, C – Chung kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 03/02/2020 tại Ủy ban nhân dân huyện B. Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy bà Thằng Cỏn T và ông H, C – C1 đều trình bày: Sau khi đăng ký kết hôn, ông H, C – C1 về lại Đài Loan, thời điểm này dịch C2 – 19 bùng phát khiến ông H, C – C1 không thể về Việt Nam, thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau, về sau thì thưa dần. Đến hiện nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai và cũng không còn tình cảm với nhau, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình. Cả bà Thằng Cỏn T và ông H, C – C1 đều đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ giữa hai bên không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho bà T1 Cỏn T và ông H, C – C1 được ly hôn là có căn cứ.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Thằng Cỏn T và ông H, C – C1 đều trình bày giữa hai bên không có con chung, tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Thằng Cỏn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123; khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thằng Cỏn T.

1. Tuyên bố: Bà Thằng C3 Thềnh được ly hôn ông H, C – C1.

2. Về án phí: Bà Thằng Cỏn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0015383, ngày 06/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Bà Thằng Cỏn T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Bà Thằng Cỏn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Ông H, C – C1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- UBND huyện Bắc Bình;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phước Hiệu